

#### 54. Khả năng truy xuất quá trình cung cấp dịch vụ của đơn vị ở cấp độ nào?

- ☐ Không có khả năng truy xuất quá trình cung cấp dịch vụ  
☐ Có thể được truy xuất giữa các khu vực trong đơn vị và phân phối nội bộ  
☐ Có thể được truy xuất trong nội bộ và khi cung cấp dịch vụ y tế cho khách hàng  
☐ Có thể được truy xuất toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ và sau dịch vụ

#### E. DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU

##### 55. Mức độ thu thập dữ liệu trong giai đoạn khách hàng sử dụng dịch vụ:

- ☐ Thu thập, phân tích    ☐ Thu thập, chưa phân tích    ☐ Không thu thập

##### 56. Mức độ tích hợp dữ liệu giữa quá trình cung cấp và sử dụng dịch vụ:

- ☐ Có tích hợp với khách hàng    ☐ Có, không tích hợp với khách hàng    ☐ Không tích hợp

#### F. NGƯỜI LAO ĐỘNG

|     |                                                   | <u>Không liên quan</u>   | <u>Chưa có</u>           | <u>Có, chưa đầy đủ</u>   | <u>Đã có</u>             |
|-----|---------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                                   | ①                        | ②                        | ③                        | ④                        |
| Stt | Người lao động tại đơn vị đã có những kỹ năng nào | Mức độ áp dụng           |                          |                          |                          |
|     |                                                   | ①                        | ②                        | ③                        | ④                        |
| 57  | Nền tảng công nghệ thông tin                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 58  | Công nghệ tự động hóa                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 59  | Kỹ thuật phát triển/ứng dụng hệ thống hỗ trợ      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 60  | Kỹ thuật sử dụng phần mềm cộng tác                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 61  | Tư duy, hiểu biết về hệ thống                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 62  | Kỹ thuật phân tích dữ liệu                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 63  | Kỹ thuật bảo mật thông tin/truyền thông           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

#### G. NĂNG LỰC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP CỦA CN 4.0

|     |                                                                     | <u>Không liên quan</u>   | <u>Không có khả năng thực hiện</u> | <u>Cần thêm sự hỗ trợ</u> | <u>Đủ năng lực</u>       |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
|     |                                                                     | ①                        | ②                                  | ③                         | ④                        |
| Stt | Khả năng thực hiện các giải pháp về CN 4.0 của đơn vị               | Mức độ tác động          |                                    |                           |                          |
|     |                                                                     | ①                        | ②                                  | ③                         | ④                        |
| 64  | Xây dựng Chiến lược/mô hình kinh doanh mới                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 65  | Đầu tư mới Hệ thống công nghệ thông tin                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 66  | Đầu tư mới các thiết bị vận hành và sản xuất                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 67  | Xây dựng hoạt động bán hàng và marketing mới                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 68  | Tái cơ cấu lao động                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 69  | Xây dựng mới cách thức trao đổi thông tin nội bộ                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 70  | Xây dựng mới cách thức trao đổi thông tin với khách hàng và đối tác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |
| 71  | Phát triển sản phẩm/dịch vụ mới theo hướng CMCN 4.0                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> |

#### PHẦN III: THÔNG TIN CHUNG

Anh/Chị vui lòng cung cấp một vài thông tin cá nhân để tiện liên lạc và chia sẻ kết quả nghiên cứu khi cần:

Họ và tên: .....

Vị trí chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

Trân trọng cảm ơn Quý Anh/Chị!

### C. VẬN HÀNH THÔNG MINH

| <u>Hoàn toàn thủ công</u> |                                           | <u>Tự động hóa mức thấp</u> | <u>Tự động hóa mức trung bình</u> | <u>Tự động hóa mức cao</u> | <u>Tự động hóa toàn bộ</u> |                          |
|---------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|
| ①                         |                                           | ②                           | ③                                 | ④                          | ⑤                          |                          |
| Stt                       | Mức độ tự động hóa tại đơn vị như thế nào | Mức độ áp dụng              |                                   |                            |                            |                          |
|                           |                                           |                             |                                   |                            |                            |                          |
|                           |                                           | ①                           | ②                                 | ③                          | ④                          | ⑤                        |
| 36                        | Tự động quản trị                          | <input type="checkbox"/>    | <input type="checkbox"/>          | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/> |
| 37                        | Tự động vận hành thay đổi                 | <input type="checkbox"/>    | <input type="checkbox"/>          | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/> |

#### 38. Mức độ phân tích dữ liệu trong quá trình vận hành?

- ☐ Không thu thập dữ liệu  
☐ Mô tả — Nắm bắt tình trạng, môi trường và hoạt động của sản phẩm  
☐ Chẩn đoán — Kiểm tra các nguyên nhân làm giảm hiệu suất hoặc sản phẩm lỗi  
☐ Dự báo — Phát hiện các trường hợp sắp xảy ra từ các dấu hiệu được ghi chép  
☐ Giải pháp — Xác định các biện pháp để cải thiện kết quả hoặc khắc phục các vấn đề

| <u>Không liên quan</u> |                                                                           | <u>Chưa có kế hoạch</u>  |                          | <u>Sẽ áp dụng</u>        |                          | <u>Mới áp dụng</u>       |  | <u>Đã áp dụng hiệu quả</u> |                |  |  |  |  |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|----------------------------|----------------|--|--|--|--|
| ①                      |                                                                           | ②                        |                          | ③                        |                          | ④                        |  | ⑤                          |                |  |  |  |  |
| Stt                    | Các giải pháp bảo mật thông tin trong đơn vị ở cấp độ nào?                |                          |                          |                          |                          |                          |  |                            | Mức độ áp dụng |  |  |  |  |
|                        |                                                                           |                          |                          |                          |                          |                          |  |                            |                |  |  |  |  |
|                        |                                                                           | ①                        | ②                        | ③                        | ④                        | ⑤                        |  |                            |                |  |  |  |  |
| 39                     | Bảo mật trong lưu trữ dữ liệu nội bộ                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |                |  |  |  |  |
| 40                     | Bảo mật dữ liệu thông qua các dịch vụ đám mây                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |                |  |  |  |  |
| 41                     | Bảo mật thông tin liên lạc để trao đổi dữ liệu nội bộ                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |                |  |  |  |  |
| 42                     | Bảo mật thông tin liên lạc để trao đổi dữ liệu với các đối tác kinh doanh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |                |  |  |  |  |

| <i>Stt</i> | <i>Đơn vị đang chia sẻ thông tin nào với các bên liên quan</i>                            | <i>Chia sẻ nội bộ</i>    |                          | <i>Chia sẻ bên ngoài (VD: khách hàng, nhà cung cấp,..)</i> |                          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------|
|            |                                                                                           | Có                       | Không                    | Có                                                         | Không                    |
| 43         | Dữ liệu lâm sàng (Clinical data)                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 44         | Dữ liệu thanh toán (Claim data)                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 45         | Dữ liệu nghiên cứu (Research data)                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 46         | Dữ liệu gen (Genomic data)                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 47         | Dữ liệu sức khỏe do người bệnh tạo (Patient-generated health data - PGHD)                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 48         | Dữ liệu về các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe (Social determinant of health - SDOH) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 49         | Dữ liệu quản trị y tế (Administrative data)                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |
| 50         | Dữ liệu khảo sát sức khỏe (Health surveys)                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>                                   | <input type="checkbox"/> |

### D. SẢN PHẨM/DỊCH VỤ THÔNG MINH

|     |                                                                                                                                                                              | <u>Không liên quan</u>   | <u>Chưa có</u>           | <u>Đang thực hiện</u>    | <u>Đã có</u>             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                                                                                                                                                              | ①                        | ②                        | ③                        | ④                        |
| Stt | Dịch vụ của Đơn vị đã có các chức năng bổ sung của công nghệ thông tin và truyền thông nào                                                                                   | Mức độ áp dụng           |                          |                          |                          |
|     |                                                                                                                                                                              |                          |                          |                          |                          |
|     |                                                                                                                                                                              | ①                        | ②                        | ③                        | ④                        |
| 51  | Quá trình cung cấp dịch vụ có thể được thông tin, kết nối với các nền tảng, hệ thống hoặc các máy móc khác (vd: thông tin quá trình cung cấp dịch vụ giữa các thiết bị y tế) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 52  | Quá trình cung cấp dịch vụ có thể được thu thập dữ liệu từ bên ngoài và các hệ thống khác (ví dụ: nhận dạng tự động, giám sát, tự báo cáo...)                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 53  | Quá trình cung cấp dịch vụ có thể được lưu trữ dữ liệu trên hệ thống nội bộ và trên điện toán đám mây (có bộ nhớ và tích hợp các ứng dụng điện toán đám mây)                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|    |                                                                                                       |                          |                          |                          |                          |                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 09 | Thực tại ảo (Virtual reality), thực tại tăng cường (Augmented reality), thực tại trộn (Mixed reality) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Công nghệ in 3D                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Công nghệ cảm biến (Sensor)                                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|     |                                                                       | <u>Dưới 1 tỷ VND</u>     |                          |                          | <u>Từ 1 đến 10 tỷ VND</u> |                          |                          | <u>Trên 10 tỷ VND</u>    |                          |                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                                                       | ①                        |                          |                          | ②                         |                          |                          | ③                        |                          |                          |
| Stt | Mức đầu tư cho ứng dụng, đổi mới công nghệ ứng dụng CN 4.0 tại đơn vị | Đã đầu tư                |                          |                          | Dự kiến trong 5 năm tới   |                          |                          |                          |                          |                          |
|     |                                                                       | ①                        | ②                        | ③                        | ①                         | ②                        | ③                        | ①                        | ②                        | ③                        |
| 12  | Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 13  | Đầu tư cho cơ sở hạ tầng y tế thông minh                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 14  | Đầu tư cho dịch vụ khám, chữa bệnh                                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 15  | Đầu tư cho dịch vụ sau khám, chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 16  | Đầu tư cho dịch vụ y tế từ xa                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 17  | Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 18  | Đầu tư cho công nghệ thông tin                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 19  | Đầu tư cho quản trị y tế                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

## B. CƠ SỞ KINH DOANH THÔNG MINH

| Stt | Đơn vị đang sử dụng hệ thống nào dưới đây              | CÓ                       | KHÔNG                    |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 20  | HIS - Hệ thống thông tin bệnh viện                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 21  | LIS - Hệ thống thông tin xét nghiệm                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 22  | RIS - Hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 23  | PACS - Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 24  | EMR - Bệnh án điện tử                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 25  | Hệ thống định dạng người bệnh qua mã vạch (ID)         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 26  | RFID- Công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|     |                                                                                           | <u>Không thu thập</u>    |                          |                          | <u>Thủ công</u>          |                          |                          | <u>Tự động</u>           |                          |                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|     |                                                                                           | ①                        |                          |                          | ②                        |                          |                          | ③                        |                          |                          |
| Stt | Cách thức thu thập dữ liệu trong quá trình hoạt động của đơn vị                           | Mức độ thu thập          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |
|     |                                                                                           | ①                        | ②                        | ③                        | ①                        | ②                        | ③                        | ①                        | ②                        | ③                        |
| 27  | Dữ liệu lâm sàng (Clinical data)                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 28  | Dữ liệu thanh toán (Claim data)                                                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 29  | Dữ liệu nghiên cứu (Research data)                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 30  | Dữ liệu gen (Genomic data)                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 31  | Dữ liệu sức khỏe do người bệnh tạo (Patient-generated health data - PGHD)                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 32  | Dữ liệu về các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe (Social determinant of health - SDOH) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 33  | Dữ liệu quản trị y tế (Administrative data)                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 34  | Dữ liệu khảo sát sức khỏe (Health surveys)                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

### 35. Đơn vị sử dụng dữ liệu thu thập được cho những mục đích nào:

- ☐ Bảo dưỡng thiết bị y tế
 ☐ Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của cơ sở
 ☐ Kiểm soát tự động
- ☐ Tối ưu hóa tài nguyên (NVL, năng lượng...)
 ☐ Quản lý chất lượng
 ☐ Minh bạch thông tin
- ☐ Mục đích khác

## PHIẾU KHẢO SÁT 01-ĐƠN VỊ Y TẾ

Kính chào Quý Anh/Chị,

Nhóm các nhà khoa học thuộc trường ĐH Kinh tế TP.HCM phối hợp với các Sở Ban ngành tỉnh Đồng Nai nghiên cứu đề tài khoa học “**Ứng dụng công nghệ 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai**” nhằm đề xuất các cơ chế chính sách phát triển và hỗ trợ các đơn vị ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Kính mong Anh/Chị vui lòng dành một ít thời gian chia sẻ những kinh nghiệm quý báu của Anh/chị qua bảng khảo sát sau đây.

### PHẦN I: MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG.

- Tên đơn vị: .....
- Địa chỉ: .....
- Quy mô vốn: ☐ >100 tỷ    ☐ 20-100 tỷ    ☐ 3-20 tỷ    ☐ <3 tỷ
- Số lượng LĐ/CB-CNV:    ☐ > 200    ☐ 100-200    ☐ 10-100    ☐ <10
- Ngành nghề:    ☐ Ngành y tế
- Loại hình theo vốn: ☐ Nhà nước/Công lập    ☐ Khác:.....  
☐ Ngoài nhà nước: ☐ Tư nhân    ☐ Hợp danh    ‡ TNHH  
☐ Cổ phần có vốn nhà nước    ☐ CP không có vốn nhà nước  
☐ Có vốn nước ngoài:    ☐ 100% vốn nước ngoài    ‡ Liên doanh
- Một số từ viết tắt:  
CN 4.0:    Công nghệ 4.0 (Công nghệ Số)  
ĐN:    Đồng Nai

### PHẦN II: BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG DỤNG CN 4.0

#### A. CHIẾN LƯỢC VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN CN 4.0

- Đơn vị có kiến thức về ứng dụng CN 4.0: ☐ Có- đầy đủ kiến thức    ☐ Có-chưa đầy đủ  
☐ Chỉ biết nhưng chưa tìm hiểu    ☐ Không có thông tin
- Đơn vị thực hiện chiến lược CN 4.0 ở giai đoạn nào? ☐ Chưa có chiến lược    ☐ Đang xây dựng  
☐ Đang thực hiện    ☐ Đã hoàn thành
- Đơn vị đã có bộ chỉ số đánh giá việc thực hiện chiến lược CN 4.0 chưa?  
☐ Bộ chỉ số đầy đủ, chi tiết    ☐ Chưa có  
☐ Bộ chỉ số mang tính chất tổng quát, định hướng, không chi tiết

| <u>Không liên quan</u> |                                                                         | <u>Chưa có kế hoạch</u>                                                               |                          | <u>Sẽ áp dụng</u>        |                          | <u>Mới áp dụng</u>       |  | <u>Đã áp dụng hiệu quả</u> |  |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|----------------------------|--|
| ①                      |                                                                         | ②                                                                                     |                          | ③                        |                          | ④                        |  | ⑤                          |  |
| Stt                    | Đơn vị đang sử dụng công nghệ số nào dưới đây                           | Mức độ áp dụng                                                                        |                          |                          |                          |                          |  |                            |  |
|                        |                                                                         |  |                          |                          |                          |                          |  |                            |  |
|                        |                                                                         | ①                                                                                     | ②                        | ③                        | ④                        | ⑤                        |  |                            |  |
| 04                     | Trí tuệ nhân tạo trong y tế (Artificial Intelligence), robot trong y tế | <input type="checkbox"/>                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |  |
| 05                     | Internet vạn vật (Internet of Things)                                   | <input type="checkbox"/>                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |  |
| 06                     | Công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big data analytics)                    | <input type="checkbox"/>                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |  |
| 07                     | Công nghệ chuỗi khối (Blockchain)                                       | <input type="checkbox"/>                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |  |
| 08                     | Điện toán đám mây (Cloud computing)                                     | <input type="checkbox"/>                                                              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |  |                            |  |